

Số: **1918** /QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày **28** tháng **6** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 302/TTr-SLĐTBXH ngày 11/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. UBND cấp huyện có trách nhiệm:

1. Tổ chức xây dựng và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này; gửi Sở Thông tin và Truyền thông để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo hướng dẫn tại Công văn số 1388/UBND-KSTT ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh về việc xây dựng quy trình tin học hóa giải quyết thủ tục hành chính.

2. Sao gửi và chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tổ chức công khai và thực hiện các thủ tục hành chính này theo đúng quy định. ✓

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ LĐ-TB và XH;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC. ✓

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Ngọc Lâm

Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC
BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH**

(Kèm theo Quyết định số 1918/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

1. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ BCCI
I	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện					
1	Thủ tục trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Không
II	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã					
2	Thủ tục trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	03 (ba) ngày làm việc khi Chủ tịch UBND cấp huyện nhận được đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Không

✓

2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính/ Mã số hồ sơ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ BCCI
I Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và UBND cấp xã						
1	Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện 1.000674.000.00.00.H46 Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 17/4/2018	27 (hai mươi bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Không
2	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, bồi dưỡng hàng tháng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng 1.001776.000.00.00.H46 Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 11/7/2019	22 (hai mươi hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Không
3	Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. 1.001758.000.00.00.H46 Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 11/7/2019	06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Không

4	<p>Thủ tục quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</p> <p>1.001753.000.00.00.H46</p> <p>Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 11/7/2019</p>	08 (tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Không
5	<p>Thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội</p> <p>1.001731.000.00.00.H46</p> <p>Quyết định số 3857/QĐ-UBND ngày 02/12/2016</p>	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Không
6	<p>Thủ tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp</p> <p>1.001739.000.00.00.H46</p> <p>Quyết định số 3857/QĐ-UBND ngày 02/12/2016</p>	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Không
II Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện						
7	<p>Thủ tục tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện</p> <p>2.000291.000.00.00.H46</p> <p>Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 17/4/2018</p>	Tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Không

8	Thủ tục dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện 2.002127.000.00.00.H46 Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 17/4/2018	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Không
---	---	--	---------------------------------	-------	--	-------

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
I	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và UBND cấp xã		
1	1.000674.000.00.00.H46 Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 17/4/2018	Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
II	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện		
2	2.000335.000.00.00.H46 Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 17/4/201	Thủ tục tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
3	2.000291.000.00.00.H46 Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 17/4/2018	Thủ tục tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
4	2.002127.000.00.00.H46 Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 17/4/2018	Thủ tục dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội